TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: Tổ 4 phường Bắc S, quận Kiến A, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Thôn Sa Đống, xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Phương A, sinh năm 1994; nơi ĐKHKTT: Thôn Sa Đống, xã Tự C, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; hiện tạm trú tại: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Phương A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 15/10/2015. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2016, chị Nguyễn Phương A sang Nhật Bản để học tập và làm việc, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau thường xuyên nhưng sau đó thì không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ đó đến nay chịPhương A không trở về Việt Nam. Anh T chỉ

biết chịPhương A lao động tại Nhật Bản còn không biết địa chỉ cụ thể. Địa chỉ cuối cùng chịPhương A ở Việt Nam trước khi đi sang Nhật Bản là: Thôn Sa Đồng, xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chịPhương A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nhật Bảo Nam, sinh ngày 18/11/2015. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu Nam đang ở cùng với anh. Về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn T đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với chị Nguyễn Phương A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thông báo cho gia đình chịPhương A cung cấp địa chỉ của chị ở Nhật Bản và yêu cầu gia đình chị cho biết kết quả đã thông báo cho chịPhương A biết để gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án chưa. Tuy nhiên, gia đình chị Phương A vẫn không thực hiện yêu cầu trên của Tòa án. Tòa án đã ghi lời khai của mẹ đẻ chị Phương A, thể hiện: Chị Phương A vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua mạng internet nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể chị ở Nhật Bản. Chị Phương A đã được gia đình thông báo về việc anh T có đơn ly hôn với chị, đồng ý với quan điểm của anh T.

Quan điểm của gia đình bị đơn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chịPhương A và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Tại phiên tòa, Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A đều vắng mặt. Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chịPhương A vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Nguyễn Phương A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND

xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 15/10/2015 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Nhật Bảo Nam cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không xem xét đến yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn chị Nguyễn Phương A hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, nguyên đơn anh Trần Văn T sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A đều vắng mặt, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Phương A: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Nguyễn Phương A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng từ ngày 15/10/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó chịPhương A sang Nhật Bản học tập và làm việc từ đó đến nay vợ chồng xa cách và không còn quan tâm đến nhau nữa, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chịPhương A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Trần Văn T.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A có con chung là cháu Trần Nhật Bảo N , sinh ngày 18/11/2015. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hiện nay cháu Nam do anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên xét nguyện vọng của anh T là chính đáng, Hội đồng xét xử

chấp nhận đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Trần Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Phương A.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Nhật Bảo N, sinh ngày 18/11/2015 cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng.Việc nuôi con của anh T được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Phương A tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 3933 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Nguyễn Phương A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa **Nguyễn Thành Biên** **Nguyễn Xuân Tuyến**

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa **Nguyễn Thành Biên** **Lương Ngọc Dũng**